TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 02-02-2024
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phùng Văn Long
2. Ông Nguyễn Bền

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Trương Tấn Thành, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang *tham gia phiên tòa:* Bà Trần Ngọc Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 619/2023/TB-TLVA ngày 03 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp "ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Chị Phan Thị Thu H**, sinh năm 1985
Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: **Anh Nguyễn Văn L**, sinh năm 1982
Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(chị H có mặt, anh L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và bản khai ngày 12 tháng 10 năm 2024 cũng như trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phan Thị Thu H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn L cưới nhau và chung sống từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng chung

sống có 02 con chung tên Nguyễn Phan Hoàng H1, sinh ngày 03/10/2006 và Nguyễn Phan Minh H2, sinh ngày 03/3/2013, có tạo lập tài sản chung là căn nhà cất trên đất của cha chồng và các xe máy, không có nợ chung. Anh chị chung sống đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc, chị H phải lo chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, anh L tự sử dụng tiền riêng mà không bàn bạc, trao đổi với chị. Từ đó, vợ chồng bất đồng quan điểm, không hòa hợp, không còn hạnh phúc yêu thương nhau. Anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 10/2023 đến nay. Nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu giải quyết cho chị ly hôn với anh L. Về con chung, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn L: Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị Thu H.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa như sau: Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật, riêng bị đơn không thực hiện đúng thủ tục tố tụng. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1.1] Chị Phan Thị Thu H và anh Nguyễn Văn L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 59, quyển số 01/2006 ngày 18/7/2006. Như vậy, chị H và anh L có đủ điều kiện kết hôn, tự nguyện chung sống với nhau và đã thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định nên căn cứ các

Điều 9 và 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân giữa chị Phan Thị Thu H và anh Nguyễn Văn L là hợp pháp.

[2.1.2] Chị H yêu cầu ly hôn với anh L vì cho rằng vợ chồng anh chị đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng từ đầu năm 2023 nguyên nhân do chị H và anh L mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc, chị H và anh L đã sống ly thân từ tháng 10/2023 cho đến nay. Lời trình bày của chị H là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và kết quả xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị H và anh L. Đồng thời, anh L mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng anh L cũng không đến để tham gia hòa giải đoàn tụ và không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu của chị H. Xét thấy, giữa chị H và anh L đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, không còn thương yêu, quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[2.2] Về con chung: Chị Phan Thị Thu H và anh Nguyễn Văn L chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Phan Hoàng H1, sinh ngày 03/10/2006 và Nguyễn Phan Minh H2, sinh ngày 03/3/2013. Hiện các cháu đang được chị H nuôi dưỡng. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con. Xét thấy, trong thời gian chị H và anh L sống ly thân, chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm lo về mọi mặt cho các con. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong sinh hoạt và sự phát triển bình thường của cháu H1, cháu H2 và có xét đến nguyện vọng được ở với mẹ của các cháu, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H được trực tiếp nuôi dưỡng các con.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, có đủ điều kiện nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, anh L không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không đặt ra xem xét.

[3] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Phan Thị Thu H phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82 và 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị Thu H.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

- Về con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Phan Hoàng H1, sinh ngày 03/10/2006 và Nguyễn Phan Minh H2, sinh ngày 03/3/2013 cho chị Phan Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chị Phan Thị Thu H phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị Phan Thị Thu H đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0006673 ngày 30/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, Tiền Giang nên xem như nộp xong án phí.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND h. CT - TG;
- THADS h.CT - TG;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Huỳnh Trúc